



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên
độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 21 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 21 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phổ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Trị	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Đình Thành	Trưởng ban (<i>từ ngày 8 tháng 5 năm 2014</i>)
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban (<i>đến ngày 8 tháng 5 năm 2014</i>)
Ông Phan Hữu Phú	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 21 tháng 7 năm 2014</i>) Giám đốc điều hành (<i>đến ngày 21 tháng 7 năm 2014</i>)
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 21 tháng 7 năm 2014</i>) Giám đốc điều hành (<i>đến ngày 21 tháng 7 năm 2014</i>)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 21 tháng 7 năm 2014</i>) Giám đốc điều hành (<i>đến ngày 21 tháng 7 năm 2014</i>)
Ông Nguyễn Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 28 tháng 2 năm 2014</i>)
Ông Đinh Duy Tường	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 31 tháng 5 năm 2014</i>)
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành (<i>từ ngày 21 tháng 7 năm 2014</i>)
Ông Bùi Đình Thành	Giám đốc điều hành (<i>đến tháng 5 năm 2014</i>)
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ **Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, 22 -08- 2014

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		819.369.796.405	558.085.788.540
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.331.598.272	19.317.669.722
Tiền	111		16.431.598.272	15.302.669.722
Các khoản tương đương tiền	112		900.000.000	4.015.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		300.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	236.891.015.685	188.444.794.267
Phải thu khách hàng	131		218.138.504.242	180.148.344.867
Trả trước cho người bán	132		13.817.213.630	6.860.641.845
Các khoản phải thu khác	135		6.434.259.766	2.898.459.304
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.498.961.953)	(1.462.651.749)
Hàng tồn kho	140	6	508.764.271.803	324.581.117.855
Hàng tồn kho	141		508.770.523.393	324.587.369.445
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.251.590)	(6.251.590)
Tài sản ngắn hạn khác	150		56.082.910.645	25.742.206.696
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.008.356.190	4.581.945.987
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.729.386.282	18.548.032.241
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		300.093.804	300.325.988
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.045.074.369	2.311.902.480
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260 + 269)	200		466.553.791.872	416.837.075.624
Tài sản cố định	220		432.506.010.743	384.736.509.259
Tài sản cố định hữu hình	221	7	389.418.641.813	368.972.377.817
Nguyên giá	222		784.013.407.808	724.970.740.740
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(394.594.765.995)	(355.998.362.923)
Tài sản cố định vô hình	227	8	1.079.700.787	1.134.936.700
Nguyên giá	228		3.988.795.124	3.699.765.643
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.909.094.337)	(2.564.828.943)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	42.007.668.143	14.629.194.742
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	18.452.157.984	19.471.879.085
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		7.746.455.984	8.766.177.085
Đầu tư dài hạn khác	258		10.705.702.000	10.705.702.000
Tài sản dài hạn khác	260		14.615.016.278	11.578.037.065
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	14.615.016.278	11.578.037.065
Lợi thế thương mại	269	12	980.606.867	1.050.650.215
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.285.923.588.277	974.922.864.164

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.040.948.553.871	717.917.286.041
Nợ ngắn hạn	310		832.088.253.057	562.975.802.163
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	524.162.975.977	362.373.848.978
Phải trả người bán	312		193.115.227.364	92.310.780.717
Người mua trả tiền trước	313		8.455.190.257	7.080.672.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.370.976.894	5.297.933.177
Phải trả người lao động	315		69.275.652.449	68.939.000.502
Chi phí phải trả	316	15	6.386.052.649	12.527.105.095
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	17.593.711.811	11.100.119.065
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	8.728.465.656	3.346.342.084
Vay và nợ dài hạn	330		208.860.300.814	154.941.483.878
Vay và nợ dài hạn	334	18	208.860.300.814	154.941.483.878
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		220.868.898.471	238.766.151.252
Vốn chủ sở hữu	410	19	220.868.898.471	238.766.151.252
Vốn cổ phần	411	20	150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	40.965.134.109	33.456.594.220
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	12.579.393.654	10.104.631.290
Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.324.370.708	45.204.925.742
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	24.106.135.935	18.239.426.871
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.285.923.588.277	974.922.864.164

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Vật tư, hàng hóa nhận gia công (VND)	111.360.574.800	48.893.171.952
Ngoại tệ		
• USD	334.943	343.236
• EUR	351	358

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Khanh
 Phó phòng Tài chính kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

22-08-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	24	1.064.827.540.659	1.172.798.537.496
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	17.468.182	375.902.549
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	1.064.810.072.477	1.172.422.634.947
Giá vốn hàng bán	11		959.844.277.247	1.050.745.545.693
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		104.965.795.230	121.677.089.254
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.671.015.206	4.448.286.284
Chi phí tài chính	22	26	18.352.753.046	19.023.510.122
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.039.939.289</i>	<i>10.650.029.814</i>
Chi phí bán hàng	24		33.308.995.932	37.602.641.941
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.357.666.020	40.862.003.737
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		22.617.395.438	28.637.219.738
Thu nhập khác	31	27	2.983.187.316	1.651.037.842
Chi phí khác	32		795.180.343	878.340.873
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.188.006.973	772.696.969
Lỗ chia từ công ty liên kết	45	10	(1.019.721.101)	(540.165.554)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		23.785.681.310	28.869.751.153
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.298.467.027	2.457.938.651
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		21.487.214.283	26.411.812.502
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		1.348.759.427	1.449.091.036
Chủ sở hữu của Công ty	62		20.138.454.856	24.962.721.466
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.343	1.664

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Khanh
 Phó phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

22-08-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.785.681.310	28.869.751.153
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	42.972.752.094	38.341.207.027
Các khoản dự phòng	03	36.310.204	834.273.877
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5.184.723.335	3.313.702.594
Lỗi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	453.454.109	(129.275.087)
Chi phí lãi vay	06	10.039.939.289	10.650.029.814
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	82.472.860.341	81.879.689.378
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(77.451.050.435)	(66.042.830.669)
Biến động hàng tồn kho	10	(184.183.153.948)	7.256.713.794
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	97.843.464.864	(27.389.429.048)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.509.477.799)	(22.419.585)
		(83.827.356.977)	(4.318.276.130)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.385.819.559)	(11.506.891.271)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(3.103.595.500)	(2.621.584.650)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15.500.000	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.010.389.825)	(3.050.828.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(100.311.661.861)	(21.487.580.421)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(91.652.299.878)	(38.407.543.887)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	214.545.454	492.146.299
Tiền chi đầu tư vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng	23	(300.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(40.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	377.899.569	657.294.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(91.359.854.855)	(37.298.103.246)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số của các công ty con	32	6.693.500.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	906.115.917.468	878.908.078.242
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(695.407.208.561)	(793.474.247.395)
Tiền trả cổ tức	36	(25.882.519.038)	(30.000.000.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của các công ty con	37	(1.834.244.603)	(907.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	189.685.445.266	54.526.130.847
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.986.071.450)	(4.259.552.820)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	19.317.669.722	28.074.527.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	-	(16.361.043)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	17.331.598.272	23.798.613.812

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Khanh
 Phó phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con dưới đây và các lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Các công ty con của Tổng Công ty gồm:

Công ty con	Hoạt động chính	30/6/2014 và 31/12/2013	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, gia dầy; bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da	76,88%	76,88%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may.	32,14%	54%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may.	54,18%	54,18%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may	53,46%	53,46%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty và các công ty con có 8.005 nhân viên (31/12/2013: 7.440 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trọng giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty và các công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(u) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết, cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và các công ty con, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty và các công ty con, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	284.031.138	243.757.149
Tiền gửi ngân hàng	16.147.567.134	15.058.912.573
Các khoản tương đương tiền	900.000.000	4.015.000.000
	<hr/>	<hr/>
	17.331.598.272	19.317.669.722
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 167.750 triệu VND (31/12/2013: 115.360 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 13).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	1.752.037.885	1.063.989.465
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	1.330.000.000	-
Phải thu khác	3.352.221.881	1.834.469.839
	<hr/>	<hr/>
	6.434.259.766	2.898.459.304
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

6. Hàng tồn kho

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	58.453.561.195	29.660.759.414
Nguyên vật liệu	172.392.150.197	88.721.070.740
Công cụ và dụng cụ	371.941.818	271.478.641
Sản phẩm dở dang	171.899.926.436	131.444.582.172
Thành phẩm	95.193.226.584	65.564.412.489
Hàng hóa	460.616.308	655.153.437
Hàng gửi đi bán	9.999.100.855	8.269.912.552
	<hr/>	<hr/>
	508.770.523.393	324.587.369.445
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.251.590)	(6.251.590)
	<hr/>	<hr/>
	508.764.271.803	324.581.117.855
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 327.750 triệu VND (31/12/2013: 304.775 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	151.389.662.047	508.953.892.596	27.547.001.847	5.865.403.848	31.214.780.402	724.970.740.740
Tăng trong kỳ	2.710.799.103	16.004.684.167	-	407.343.182	1.437.521.101	20.560.347.553
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.177.099.199	32.428.717.660	732.508.179	104.700.000	2.027.512.788	42.470.537.826
Phân loại lại	-	(53.000.000)	-	-	53.000.000	-
Thanh lý	(134.828.743)	(3.816.900.068)	-	(36.489.500)	-	(3.988.218.311)
Số dư tại ngày 30/6/2014	161.142.731.606	553.517.394.355	28.279.510.026	6.340.957.530	34.732.814.291	784.013.407.808
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 1/1/2014	56.938.115.935	264.718.545.479	14.118.763.000	4.310.478.046	15.912.460.463	355.998.362.923
Khấu hao trong kỳ	4.506.860.962	33.586.188.034	1.533.231.363	298.736.823	2.633.426.170	42.558.443.352
Phân loại lại	-	(5.299.998)	-	-	5.299.998	-
Thanh lý	(108.650.712)	(3.816.900.068)	-	(36.489.500)	-	(3.962.040.280)
Số dư tại ngày 30/6/2014	61.336.326.185	294.482.533.447	15.651.994.363	4.572.725.369	18.551.186.631	394.594.765.995
Giá trị còn lại						
Số dư tại ngày 1/1/2014	94.451.546.112	244.235.347.117	13.428.238.847	1.554.925.802	15.302.319.939	368.972.377.817
Số dư tại ngày 30/6/2014	99.806.405.421	259.034.860.908	12.627.515.663	1.768.232.161	16.181.627.660	389.418.641.813

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá là 129.324 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 130.043 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 368.994 triệu VND (31/12/2013: 345.740 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 13 và 18).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 1/1/2014	3.699.765.643
Tăng trong kỳ	289.029.481
	<hr/>
Số dư tại ngày 30/6/2014	3.988.795.124
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 1/1/2014	2.564.828.943
Khấu hao trong kỳ	344.265.394
	<hr/>
Số dư tại ngày 30/6/2014	2.909.094.337
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 1/1/2014	1.134.936.700
Số dư tại ngày 30/6/2014	1.079.700.787
	<hr/> <hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.813 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (31/12/2013: 1.365 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	14.629.194.742	10.859.740.931
Tăng trong kỳ/năm	70.802.922.844	27.084.476.326
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(42.470.537.826)	(22.208.204.009)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(953.911.617)	(1.106.818.506)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	42.007.668.143	14.629.194.742

Tại ngày báo cáo, các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy May 1 – Nhà xưởng	21.544.574.639	-
Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy May 1 – Máy móc thiết bị	15.835.239.477	-
Các công trình xây dựng dở dang và máy móc thiết bị đang lắp đặt khác	4.627.854.027	14.629.194.742
	<hr/>	<hr/>
	42.007.668.143	14.629.194.742

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 37.380 triệu VND (31/12/2013: 6.395 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 18).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2014			31/12/2013		
	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
Đầu tư vốn dài hạn tại:			VND			VND
▪ Công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	850.000	27,23%	4.956.739.497	850.000	27,23%	5.976.460.598
• Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức	370.000	37,00%	2.789.716.487	370.000	37,00%	2.789.716.487
			<u>7.746.455.984</u>			<u>8.766.177.085</u>
▪ Công ty khác						
• Công ty Cổ phần Bông vải miền Trung	85.570	9,37%	855.702.000	85.570	9,37%	855.702.000
• Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	60.000	10,91%	600.000.000	60.000	10,91%	600.000.000
• Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	160.000	16,00%	1.600.000.000	160.000	16,00%	1.600.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	135.000	7,86%	1.350.000.000	135.000	7,86%	1.350.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	6.300.000.000	630.000	14,00%	6.300.000.000
			<u>10.705.702.000</u>			<u>10.705.702.000</u>
			<u>18.452.157.984</u>			<u>19.471.879.085</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	8.766.177.085	8.500.000.000
Tăng trong kỳ/năm	-	3.700.000.000
Lỗi từ công ty liên kết	(1.019.721.101)	(3.433.822.915)
	7.746.455.984	8.766.177.085

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	9.807.839.616	1.220.909.532	549.287.917	11.578.037.065
Tăng trong kỳ	9.363.098.805	-	236.349.663	9.599.448.468
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	953.911.617	-	-	953.911.617
Phân loại lại	1.802.317	-	(1.802.317)	-
Phân bổ trong kỳ	(6.802.436.137)	(527.333.861)	(186.610.874)	(7.516.380.872)
Số dư tại ngày 30/6/2014	13.324.216.218	693.575.671	597.224.389	14.615.016.278

12. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư tại ngày 1/1/2014 và 30/6/2014	1.400.866.953
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư tại ngày 1/1/2014	350.216.738
Phân bổ trong kỳ	70.043.348
Số dư tại ngày 30/6/2014	420.260.086
Giá trị ghi sổ	
Số dư tại ngày 1/1/2014	1.050.650.215
Số dư tại ngày 30/6/2014	980.606.867

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

13. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	505.655.784.159	325.637.759.996
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	18.507.191.818	36.736.088.982
	524.162.975.977	362.373.848.978

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng ANZ - (i)	USD	2,2% - 2,5%	91.445.577.267	47.112.492.285
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng - (i)	USD	2% - 2,4%	81.594.117.462	56.221.436.179
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng - (i)	USD	2,2% - 2,5%	80.848.729.287	43.047.260.341
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - (ii)	USD	2,2% - 2,8%	79.751.293.860	43.499.615.915
Ngân hàng Indovina - (i)	USD	2,25% - 2,8%	50.447.666.778	15.628.606.154
Ngân hàng TMCP Công thương - (i)	USD	2,2% - 2,8%	49.561.415.952	33.985.281.510
Ngân hàng HSBC - (i)	USD	2,2% - 2,8%	38.628.621.603	51.171.798.361
Ngân hàng TMCP Quân đội- (i)	USD	2,2% - 2,8%	23.798.809.074	17.984.724.422
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - (i)	USD	2,25% - 2,8%	9.356.998.410	15.996.411.382
Ngân hàng TMCP Quân đội - (i)	VND	9%	140.383.466	886.357.447
Vay từ ban liên lạc hưu trí - (ii)	VND	8%	82.171.000	103.776.000
			505.655.784.159	325.637.759.996

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 5), hàng tồn kho (Thuyết minh 6) và tài sản cố định (Thuyết minh 7) của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.212.164.026	2.473.709.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.733.209.384	2.538.337.857
Thuế thu nhập cá nhân	234.463.624	280.669.355
Các loại thuế khác	191.139.860	5.216.962
	<hr/>	<hr/>
	4.370.976.894	5.297.933.177
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

15. Chi phí phải trả

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động	3.851.632.799	9.677.932.814
Chi phí lãi vay	370.723.832	723.177.416
Chi phí hoa hồng, chi phí vận chuyển và chi phí khác	2.163.696.018	2.125.994.865
	<hr/>	<hr/>
	6.386.052.649	12.527.105.095
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	5.118.437.380	4.499.478.774
Bảo hiểm xã hội	1.410.644.081	294.652.557
Bảo hiểm y tế	350.457.443	13.037.199
Cổ tức phải trả	4.117.480.962	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.596.691.945	6.292.950.535
	<hr/>	<hr/>
	17.593.711.811	11.100.119.065
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

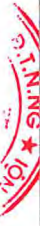
Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	3.346.342.084	3.635.866.673
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ/năm	8.377.013.397	4.023.482.773
Tăng khác	15.500.000	238.398.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(3.010.389.825)	(4.551.405.362)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	8.728.465.656	3.346.342.084

18. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn (i)	220.500.859.632	184.048.439.860
Nợ dài hạn khác (ii)	6.866.633.000	7.629.133.000
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	227.367.492.632	191.677.572.860
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	(18.507.191.818)	(36.736.088.982)
	<hr/>	<hr/>
	208.860.300.814	154.941.483.878



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay 1	VND	7,8% - 8,4%	2019	50.783.635.988	55.547.635.988
Khoản vay 2	USD	4,5%	2021	43.050.273.480	-
Khoản vay 3	USD	6%	2018	33.948.983.700	33.585.586.128
Khoản vay 4	USD	5,5% - 6,25%	2018	25.717.073.442	28.622.139.744
Khoản vay 5	USD	5,8%	2020	17.927.421.900	19.244.404.368
Khoản vay 6	USD	3%	2017	10.437.000.000	11.800.320.000
Khoản vay 7	USD	6%	2018	7.600.819.800	7.519.458.912
Khoản vay 8	VND	9,2%	2019	7.346.000.000	-
Khoản vay 9	VND	10,6%	2016	5.849.997.000	7.149.999.000
Khoản vay 10	VND	0%	2014	2.388.386.000	5.258.386.000
Khoản vay 11	USD	5,2%	2016	3.978.554.154	4.147.745.892
Khoản vay 12	USD	5,2%	2016	2.863.399.470	3.399.299.218
Khoản vay 13	VND	11%	2018	2.237.887.800	2.498.087.800
Khoản vay 14	VND	11% - 12,5%	2018	2.149.205.098	2.420.205.098
Khoản vay 15	USD	5,8%	2015	1.229.010.000	1.737.386.400
Khoản vay 16	VND	10%	2021	1.013.875.000	-
Khoản vay 17	VND	11%	2019	830.500.000	-
Khoản vay 18	USD	5,8%	2016	600.873.000	731.619.840
Khoản vay 19	USD	5%	2017	405.552.000	-
Khoản vay 20	USD	6,4%	2014	142.411.800	281.732.640
Khoản vay 21	USD	6%	2014	-	79.504.656
Khoản vay 22	USD	6%	2014	-	24.928.176
				220.500.859.632	184.048.439.860

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định (Thuyết minh 7) và xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 9) của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Nợ dài hạn khác thể hiện khoản nợ dài hạn của Tổng Công ty đối với Ban Quản lý cơ sở hạ tầng tỉnh Quảng Trị. Khoản nợ dài hạn này không phải chịu lãi, không được đảm bảo và được hoàn trả định kỳ mỗi năm hai lần, mỗi lần 762,5 triệu VND, cho đến hết năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

19. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	150.000.000.000	25.690.869.377	5.538.018.129	44.636.069.026	225.864.956.532
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	24.962.721.466	24.962.721.466
Phân bổ vào các quỹ	-	7.765.724.843	4.566.613.161	(12.332.338.004)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.180.105.100)	(3.180.105.100)
Cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	150.000.000.000	33.456.594.220	10.104.631.290	24.086.347.388	217.647.572.898
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	150.000.000.000	33.456.594.220	10.104.631.290	45.204.925.742	238.766.151.252
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.138.454.856	20.138.454.856
Phân bổ vào các quỹ	-	7.508.539.889	2.474.762.364	(9.983.302.253)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(8.035.707.637)	(8.035.707.637)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	150.000.000.000	40.965.134.109	12.579.393.654	17.324.370.708	220.868.898.471

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập đến khi quỹ dự phòng bằng 25% vốn cổ phần của Tổng Công ty.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 8 tháng 5 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 30.000 triệu VND cho các cổ đông (tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	18.239.426.871	15.854.602.406
Vốn góp	6.693.500.000	1.877.500.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ/năm	1.348.759.427	2.258.402.137
Cổ tức	(1.834.244.603)	(907.700.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	(341.305.760)	(843.377.672)
	24.106.135.935	18.239.426.871

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	1.064.827.540.659	1.172.798.537.496
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(375.902.549)
▪ Hàng bán bị trả lại	(17.468.182)	-
	1.064.810.072.477	1.172.422.634.947

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi	185.899.569	417.294.342
Cổ tức được chia	192.000.000	240.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.253.396.509	3.764.828.043
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.719.128	26.163.899
	3.671.015.206	4.448.286.284

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

26. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.039.939.289	10.650.029.814
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	59.509.994
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.128.090.422	5.000.267.720
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.184.723.335	3.313.702.594
	<hr/>	<hr/>
	18.352.753.046	19.023.510.122
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

27. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản	214.545.454	492.146.299
Xóa nợ do nhà cung cấp vi phạm hợp đồng	897.249.540	-
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	742.175.000	-
Các thu nhập khác	1.129.217.322	1.158.891.543
	<hr/>	<hr/>
	2.983.187.316	1.651.037.842
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.298.467.027	2.235.438.153
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	222.500.498
	<hr/>	<hr/>
	2.298.467.027	2.457.938.651
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	23.785.681.310	28.869.751.153
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	2.378.568.131	2.886.975.115
Ưu đãi thuế	(1.003.163.659)	(1.420.450.342)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	186.635.418	367.373.968
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	310.395.892	55.168.513
Chi phí không được khấu trừ thuế	95.093.268	57.955.234
Thu nhập không bị tính thuế	(19.200.000)	(24.000.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	350.137.977	312.415.665
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	222.500.498
	2.298.467.027	2.457.938.651

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% từ năm 2014 (năm 2013: 25%) và 20% từ năm 2016.

(ii) Đối với các công ty con

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, các công ty con có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 25%).

Theo quy định của Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập của các công ty con được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty là 20.138.454.856 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 24.962.721.466 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm là 15.000.000 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 15.000.000 cổ phiếu).

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và các công ty con chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty và các công ty con. Tổng Công ty và các công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	17.047.567.134	19.073.912.573
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	300.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	223.073.802.055	181.584.152.422
		240.421.369.189	200.658.064.995

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này. Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban điều hành của Tổng Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty và các công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban điều hành. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 đến 35 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá thời hạn này được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	45.610.857.127	-
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	16.477.860.664	409.325.398
	62.088.717.791	409.325.398

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.462.651.749	305.075.549
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	36.310.204	1.157.576.200
	1.498.961.953	1.462.651.749

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty và các công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty và các công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty và các công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty và các công ty con.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2014	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Phải trả người bán và phải trả khác	210.215	210.215	210.215	-	-	-
Vay ngắn hạn	505.656	509.917	509.917	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	227.367	259.463	53.128	68.870	114.746	22.719
	943.238	979.595	773.260	68.870	114.746	22.719

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

31/12/2013	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Phải trả người bán và phải trả khác	111.131	111.131	111.131	-	-	-
Vay ngắn hạn	325.638	328.874	328.874	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	191.678	226.662	45.489	56.227	112.785	12.161
	628.447	666.667	485.494	56.227	112.785	12.161

Tổng Công ty và các công ty con quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Euro (“EUR”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	334.943	351	343.236	358
Phải thu khách hàng	7.746.952	-	7.951.294	-
Tài sản ngắn hạn khác	23.050	-	22.539	-
Phải trả người bán	(6.300.836)	-	(2.665.838)	-
Vay ngắn hạn	(23.729.260)	-	(15.406.588)	-
Vay dài hạn	(6.943.726)	-	(5.275.917)	-
	(28.868.877)	351	(15.031.274)	358

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
USD/VND	21.300	21.072
EUR/VND	28.977	29.004

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(17.524.851.516)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	483.119
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(9.027.061.663)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	493.213

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Tổng Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, 207.675 triệu VND (31/12/2013: 166.990 triệu VND) vay dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty và các công ty con không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản đầu tư ngắn hạn	300.000.000	-
Vay ngắn hạn	(82.171.000)	(103.776.000)
Vay dài hạn	(12.825.386.000)	(17.058.706.000)
	(12.607.557.000)	(17.162.482.000)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	(505.573.613.159)	(325.533.983.996)
Vay dài hạn	(207.675.473.632)	(166.989.733.860)
	(713.249.086.791)	(492.523.717.856)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 3.388 triệu VND (2013: 4.678 triệu VND) lợi nhuận thuần hợp nhất của Tổng Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	17.332	17.332	19.318	19.318
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	300	(*)	-	-
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	223.074	(*)	181.584	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(210.215)	(*)	(111.131)	(*)
- Vay ngắn hạn	(505.656)	(*)	(325.638)	(*)
- Vay và nợ dài hạn	(227.367)	(*)	(191.678)	(*)
	(702.532)	(*)	(427.545)	(*)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các khoản tiền và các khoản tương đương tiền được xác định bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của những khoản này.

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức đã trả	21.484.964.000	21.484.964.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.395.058.255	3.760.301.971
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		
Lương	2.381.176.452	3.209.727.756
Thưởng	223.915.052	148.444.872

32. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	45.856.200.000	102.600.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	28.500.000.000
	45.856.200.000	131.100.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	601.787.214.811	645.383.339.404
Chi phí nhân công	255.922.197.440	231.462.714.572
Chi phí khấu hao	42.972.752.094	38.341.207.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	196.432.531.443	147.376.447.298

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Khanh
Phó phòng Tài chính kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

22 -08- 2014